

Bản án số: 205/2026/HSST

Ngày: 13/7/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khoe – Cán bộ hưu trí

2. Bà Nguyễn Thị Đào Mai – Nghề nghiệp: Giáo viên về hưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thụy – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm kín và tuyên án công khai vụ án hình sự thụ lý số 226/2026/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2026/HSST- QĐXX ngày 19 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1982, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã V, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở trước khi bị bắt: 323/26 đường B, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1960; Con bà Đồng Thị H, sinh năm 1956.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: 02

Bản án số 11/2007/HSST ngày 19/9/2007, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (cũ) tuyên phạt 03 tháng tù về *Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác*, đã chấp hành xong hình phạt tù và đã nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 16/01/2008;

Bản án số 16/2017/HSST ngày 16/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (cũ) tuyên phạt 15 tháng tù về *Tội cố ý gây thương tích*, đã chấp hành xong án phạt tù ngày 26/01/2018, đã nộp án phí dân sự sơ thẩm ngày 31/3/2017 và nộp án phí dân sự sơ thẩm ngày 22/5/2017.

Bị bắt từ ngày 17/02/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại Tạm giam P, Công an T3 (có mặt).

Bị hại: Cháu Dương Ngọc Bảo H1, sinh ngày 20/5/2018; Địa chỉ: 3 đường

B, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Dương Văn L, sinh năm 1993 và bà Dương Thị Kim H2, sinh năm 1997 (là cha mẹ ruột của bị hại); Cùng địa chỉ: 3 đường B, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Hồ Thị H3 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T thuê phòng trọ số 2 ở địa chỉ số C B, phường R, TP Hồ Chí Minh để ở. Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/02/2026, T đi bộ ra trước nhà số 323/2 Bùi Thiện N thấy cháu Dương Thị Bảo H4 (Sinh ngày 20/5/2018) đang chơi cùng nhóm trẻ gần chiếc xe ô tô Vinfast VF3 biển kiểm soát 72D-006.61 nên nảy sinh ý định sờ mó vào bộ phận sinh dục của cháu H4. Lúc này, T đi đến dùng tay phải và tay trái để lên má phải, má trái rồi cúi xuống hôn vào má phải cháu H4. T thấy cháu H4 không phản ứng nên T tiếp tục dẫn cháu H4 đi ra phía sau chiếc xe ô tô. Tại đây, T đứng đối diện với cháu H4, dùng tay phải đưa vào háng của cháu H4, tay trái quàng ra sau lưng để bế cháu H4 đưa lên nóc xe ô tô để tiếp tục thỏa mãn cơn dục vọng của bản thân. Do cháu H4 vùng vẫy nên T không bế lên nóc xe nên phải bỏ cháu H4 xuống đất. Mặc cho cháu H4 vùng vẫy nhưng T vẫn dùng tay phải sờ vào bộ phận sinh dục, tay trái T quàng sau lưng ôm cháu H4 và tiếp tục hôn vào má phải của cháu H4. Lúc này, cháu Võ Trọng N1 (sinh ngày 08/5/2017) chạy đến kéo tay T ra khỏi bộ phận sinh dục của cháu H4 nhưng T giật lại tiếp tục đưa tay phải vào sờ bộ phận sinh dục thì bị cháu Huỳnh H5 lên nên T mới bỏ tay ra khỏi bộ phận sinh dục và đi ra ngồi xuống cột điện gần đó. Lúc này, cháu N1 chạy vào gặp ông Dương Văn T2 (ông nội của cháu H4) và ông Dương Văn L (là cha ruột của cháu H4) và nói có người lạ ôm hôn “Lũng Xi”. Lúc này, Ông L ra đến nơi gặp và hỏi T thì T thừa nhận đã ôm hôn, sờ vào bộ phận sinh dục của cháu H4. Sau khi biết sự việc, ông L đến trình báo cơ quan Công an toàn bộ vụ việc như trên.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi dâm ô với cháu Dương Thị Bảo H4 như trên. (Bút lục điều tra số từ số 105-113)

Tại bản Kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số 58/2026/KLTDTE-PY-CS3 ngày 13/3/2026 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế thành phố H kết luận:

Không có sẹo sứt da hay bầm tím trên cơ thể và vùng bẹn đùi hai bên;

Không rách màng trinh cũ mới.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/9/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Dương Thị Bảo H4 tại thời điểm giám định là: Không có tỷ lệ tổn thương cơ thể, áp dụng phương pháp cộng lại tại thông tư.

Bản Kết luận cũng ghi nhận: “Trong mẫu phết dịch âm đạo, mẫu phết dịch âm hộ và mẫu phết vùng hậu môn của Dương Thị Bảo H4 không thấy tinh trùng; Trong mẫu phết dịch âm đạo, mẫu phết dịch âm hộ và mẫu phết dịch vùng hậu môn của Dương Thị Bảo H4 không phát hiện ADN người nam”. (Bút lục điều tra số 36).

Về thu giữ xử lý vật chứng: Không có.

Về trách nhiệm dân sự: Người giám hộ hợp pháp của bị hại là ông Dương Văn L và bà Dương Thị Kim H2 (là cha mẹ ruột của cháu H4) không yêu cầu Phạm Văn T phải bồi thường dân sự.

Bản Cáo trạng số 50A/CT-VKSHCM-KV ngày 12/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi theo khoản 1 Điều 146 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo đồng thời đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 146; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về *Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của bà Hồ Thị H3 - người bảo vệ quyền và ích hợp pháp của bị hại: Về tội danh và điều luật do vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng đối với bị cáo T đã đúng quy định pháp luật nên bà không có ý kiến. Về hình phạt, bà H3 đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo T đã thực hiện khi vi phạm tình dục trẻ em là đối tượng được pháp luật đặc biệt bảo vệ và sự quyết tâm, quyết liệt khi thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Từ đó quyết định mức án nghiêm khắc vừa đủ sức răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo vừa đảm bảo đấu tranh phòng chống tội phạm đối với loại tội liên quan đến xâm hại tình dục trẻ em.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát thể hiện thái độ ăn năn hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều

hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng và luận tội mà đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, của người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/02/2026, trước nhà số C B, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Văn T đã có hành vi ôm hôn và sử dụng tay phải của mình sờ nhiều lần vào bộ phận sinh dục của cháu Dương Thị Bảo H4 (sinh ngày 20/5/2018)

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Văn T có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo T đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành *Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi* theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng số 50A/CT-VKSHCM-KV ngày 12/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân của bị cáo:

Hành vi của bị cáo T đã thực hiện là nghiêm trọng và rất là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến sức khỏe, tinh thần và sự phát triển tâm, sinh lý bình thường của bị hại là trẻ em được pháp luật đặc biệt bảo vệ mà còn ảnh hưởng lớn đến văn hóa, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam và trật tự an toàn xã hội.

Bị cáo T là người có 02 nhân thân về các hành vi Cố ý gây thương tích, đã được xét xử bằng các bản án vào các năm 2007 và 2017, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học sửa chữa bản thân thành công dân có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Trong lần phạm tội này, bị cáo đã thực hiện một chuỗi các hành vi xâm hại tình dục trẻ em từ ôm hôn, sờ vào vùng kín bị hại nhiều lần và chỉ dừng lại khi gặp sự phản kháng quyết liệt của bị hại và bạn đi cùng với bị hại, điều đó thể hiện lối sống buông thả, coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhằm cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo đồng thời đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Tình tiết tăng nặng: không.

Tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về

tổn thất tinh thần cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: quá trình điều tra cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[6] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 146; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng về *Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*; Thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 02 năm 2026.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- VKSND KV 11, TP. HCM;
- Phân trại tạm giam Phước Thắng, Trại tạm giam số 1, Công an TP.HCM;
- THADS TP. HCM;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA.**

Phạm Thị Hiếu

